

Số: 600/2024/QĐPT-DS

Tiền Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Huỳnh Việt Trung

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy
Bà Lâm Ngọc Tuyền

Thư ký phiên họp: Ông Lê Minh Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tiền Giang tham gia phiên họp: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 558/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án.

Do Quyết định số: 09/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số: 586/2024/QĐPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Phùng Thị L, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (có mặt);

2. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

3. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

4. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);

5. Anh Phạm Văn L1, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

6. Chị Phạm Thị L2, sinh năm 1991 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, Tiền Giang.

7. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện C, Tiền Giang.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Hứa Văn B, Chi cục trưởng.
- Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Minh Đ1, Chấp hành viên (xin vắng mặt)
- *Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H.*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Quyết định sơ thẩm:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự Phùng Thị L trình bày:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 360/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Phùng Thị L số tiền 41.850.000đ, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2020/DS-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Phùng Thị L 10 chỉ vàng 24k và số tiền 132.000.000đ, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Quá trình thi hành án, bà Nguyễn Thị H không tự nguyện thi hành án.

Ngày 14/6/2024, Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C có Thông báo số 412/TB-CCTHADS cho bà L được quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản chung là: Thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 01, diện tích 940m² và thửa đất số 2597, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cả hai thửa đất đều do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Phạm Văn C.

Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn C, xét thấy: Thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 01, diện tích 940m² và thửa đất số 2597, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cả hai thửa đất đều do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Phạm Văn C, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02470.QSĐĐ ngày 23/9/2003 có nguồn gốc do ông Phạm Văn C đại diện chủ hộ nhận chuyển nhượng ngày 01/9/2003 từ bà Nguyễn Thị L3 sinh năm 1945, địa chỉ ấp P xã P huyện C tỉnh Tiền Giang và bà Lê Thị T sinh năm 1935, địa chỉ ấp P xã P huyện C tỉnh Tiền Giang cùng với sự đóng góp của các con là Phạm Văn N, Phạm Văn Đ, Phạm Văn L1 và Phạm Thị L2; Trích lục hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì quyền sử dụng thửa đất số 1165 và 2597 của hộ gia đình ông Phạm Văn C. Bà Nguyễn Thị H xác định các thành viên trong hộ ông C cùng đóng góp, tạo lập và sử dụng thửa đất gồm 06 thành viên gồm Phạm Văn C, Nguyễn Thị H, Phạm Văn N, Phạm Văn Đ, Phạm Văn L1 và Phạm Thị L2. Do vậy, thửa đất số 1165 diện tích 940m² và thửa đất số 2597 diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của hộ ông Phạm

Văn C gồm 06 thành viên Phạm Văn C, Nguyễn Thị H, Phạm Văn N, Phạm Văn Đ, Phạm Văn L1 và Phạm Thị L2. Nay bà Phùng Thị L yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của hộ ông Phạm Văn C mỗi người được 1/6 quyền sở hữu, quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 01, diện tích 940m² và thửa đất số 2597, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Quá trình xác minh điều kiện thi hành án của bà Nguyễn Thị H được biết hộ ông Phạm Văn C đứng tên tài sản là thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 01, diện tích 940m² và thửa đất số 2597, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C đã ban hành thông báo đến hộ ông C về việc xác định phần sở hữu, sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung nhưng hộ ông C không khởi kiện nên Chấp hành viên tiếp tục ban hành thông báo cho người được thi hành án được quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

Nay bà L yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của hộ ông Phạm Văn C đối với thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 01, diện tích 940m² và thửa đất số 2597, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại Quyết định số 09/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 9 Điều 27, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 102, Điều 212 Bộ luật Dân sự; Khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị L.

Xác định bà Nguyễn Thị H có quyền sử dụng 1/6 thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 01, diện tích 940m² và thửa đất số 2597, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02470.QSDĐ ngày 23/9/2003 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Phạm Văn C.

Ngoài ra, Quyết định sơ thẩm còn quyết định về phần lệ phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 13 tháng 9 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo Quyết định sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ Quyết định sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị L.

* Tại phiên họp phúc thẩm, người yêu cầu là Phùng Thị L giữ nguyên yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của hộ ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị H mỗi người được 1/6 quyền sở hữu, quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 01, diện tích 940m² và thửa đất số 2597, tờ bản đồ

số 01, diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị H xác định không đồng ý với yêu cầu của bà Phùng Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng giải quyết việc dân sự hội ý đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng giải quyết việc dân sự căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị H nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo các Điều 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C (người đại diện anh Đặng Minh Đ1), ông Phạm Văn C, anh Phạm Văn N, anh Phạm Văn Đ, anh Phạm Văn L1 và chị Phạm Thị L2 có đơn xin vắng mặt, Hội đồng vẫn tiến hành phiên họp theo quy định tại Điều 374 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo Quyết định sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ Quyết định sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị L, Hội đồng giải quyết việc dân sự xét thấy:

Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp thể hiện nguồn gốc thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 01, diện tích 940m² và thửa đất số 2597, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là của bà Nguyễn Thị L3 và bà Lê Thị T chuyển nhượng cho hộ ông Phạm Văn C theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/9/2003, sau đó hộ ông Phạm Văn C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/9/2003, giấy đất cấp cho hộ do ông Phạm Văn C đại diện hộ đứng tên.

Tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai quy định “29. Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất”. Tại phiên họp, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H thừa nhận thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C, bà H là vợ chồng và có 04 người con là Phạm Văn N, Phạm Văn Đ, Phạm Văn L1 và Phạm Thị L2, thời điểm đó ông C và bà H đã tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp cho đến nay và đã có 04 người con, điều này chứng tỏ ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị H, anh Phạm Văn N, anh Phạm Văn Đ, anh Phạm Văn L1 và chị Phạm Thị L2 có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được công nhận quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích trên cho thấy thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 01, diện tích 940m² và thửa đất số 2597, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của hộ ông Phạm Văn C gồm 06 người: Ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị H, anh Phạm Văn N, anh Phạm Văn Đ, anh Phạm Văn L1 và chị Phạm Thị L2; nên bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 1/6 tài sản là thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 01, diện tích 940m² và thửa đất số 2597, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do vậy, yêu cầu của bà Phùng Thị L là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết chấp nhận yêu cầu là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà H, nên Hội đồng phiên họp không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1, cần thiết giữ nguyên quyết định của Tòa án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

[4] Về lệ phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận, nên bà H phải chịu lệ phí phúc thẩm theo quy định khoản 2 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H;
- Giữ nguyên Quyết định số 09/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ khoản 9 Điều 27, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 102, Điều 212 Bộ luật Dân sự; Khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự và khoản 1, 2 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị L.

Xác định bà Nguyễn Thị H có quyền sử dụng 1/6 thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 01, diện tích 940m² và thửa đất số 2597, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.011,1m² tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 02470.QSĐĐ ngày 23/9/2003 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Phạm Văn C.

2/ Về lệ phí Tòa án:

- Lệ phí sơ thẩm: Bà Phùng Thị L được miễn lệ phí sơ thẩm.

- Lệ phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng; bà H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo Biên lai số 0011728 ngày 13/9/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như bà H đã nộp xong lệ phí phúc thẩm.

Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Huỳnh Việt Trung